

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 14-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thúy Ngọc.

2. Bà Phạm Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm - là Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Th; Trụ sở: 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Quốc Đ (Theo Văn bản ủy quyền số 11045/2020/UQ-VPB ngày 08/06/2020) (có mặt).

Bị đơn: Ông Vũ Đình T1, sinh năm 1976 và bà Vũ Thị T2, sinh năm 1982; Cùng thường trú: 140/31 đường C, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Cùng tạm trú: Không số, Tổ H, Khu phố H, phường H1, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (ông T1 vắng mặt, bà T2 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/08/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 07/8/2017, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Th (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cùng ông

Vũ Đình T1 và bà Vũ Thị T2 (sau đây gọi tắt là ông T1, bà T2) có ký Hợp đồng cho vay số LN1708010136809/LVV/HĐTD với nội dung: Ngân hàng cho ông T1 và bà T2 vay số tiền 559.000.000 đồng, thời hạn vay 83 tháng, mục đích vay mua xe Chevrolet mới 100%, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 10,9%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ông T1 và bà T2 đã được giải ngân số tiền vay 559.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ lần 1 số LN1708010136809/LVV/HĐTD ngày 07/8/2017, số tiền vay gốc và lãi vay được trả định kỳ vào ngày 07 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông T1 và bà T2 đã thế chấp tài sản là 01 xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại Cruze, biển số 51G-463.57, số máy 6D3171430492 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 292774 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2017 cho ông Vũ Đình T1, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1708010136809/LVV/HĐTCSP ngày 07/8/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/8/2017.

Tính đến ngày 14/01/2021, bị đơn đã thanh toán được số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 60.566.650 đồng, số tiền còn lại không thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T1 và bà T2 cùng chịu trách nhiệm thanh toán một lần toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 14/01/2021 là 865.678.781 đồng gồm: nợ gốc 513.816.998 đồng, nợ lãi 351.861.783 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả số tiền lãi từ ngày 15/01/2021 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán hết các khoản tiền còn nợ.

Trường hợp ông T1 và bà T2 không trả hoặc chưa trả hết nợ thì Ngân hàng yêu cầu được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông T1 và bà T2 như nêu trên để thu hồi nợ.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Bà và ông Vũ Đình T1 là vợ chồng, bà xác nhận quá trình giao kết hợp đồng, tài sản thế chấp, số tiền vay, số tiền đã trả, số tiền còn nợ bao gồm gốc và lãi là đúng như Ngân hàng trình bày. Do việc làm ăn gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng bà còn thiếu ngân hàng số tiền nợ gốc 513.816.998 đồng và lãi tạm tính đến ngày 14/01/2021 là 351.861.783 đồng, tổng cộng là 865.678.781 đồng. Hiện nay bà không liên lạc được với ông T1, tuy nhiên với số tiền còn nợ, bà tự nguyện chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán cho Ngân hàng bằng cách trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn - ông Vũ Đình T1 vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

- Về tố tụng: Thủ tục thụ lý, tổng đạt, thông báo, niêm yết, lấy lời khai, xác minh, thu thập chứng cứ, xác định tư cách tham gia tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Việc gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, thực hiện các trình tự thủ tục tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Th tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Vũ Đình T1 và bà Vũ Thị T2. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn thường trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Quá trình tố tụng, bị đơn chuyển về tạm trú tại địa chỉ nhà Không số, Tổ 2 khu phố 2, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, việc thay đổi nơi cư trú của đương sự không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa: Do Tòa án tiến hành ủy thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 BLTTDS.

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng:

- Xét Văn bản ủy quyền số 11045/2020/UQ-VPB ngày 08/6/2020 là ủy quyền hợp lệ nên ông Đặng Quốc Đạt có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Bị đơn là bà Vũ Thị T2 có mặt. Đối với đồng bị đơn là ông Vũ Đình T1, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa để trình bày ý kiến; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông T1 đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T1.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 14/01/2020 bao gồm nợ gốc 513.816.998 đồng và nợ lãi 351.861.783 đồng của nguyên đơn, thấy:

Hợp đồng cho vay số LN1708010136809/LVV/HĐTD ngày 07/8/2017 và Khế ước nhận nợ lần 1 số LN1708010136809/LVV/HĐTD ngày 07/8/2017 có hình thức phù hợp, nội dung thỏa thuận tự nguyện, thể hiện ý chí của hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với chức năng, ngành nghề đã đăng ký nên hợp pháp, phát sinh hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi

phạm nghĩa vụ trả nợ dù nguyên đơn nhiều lần nhắc nhở dưới nhiều hình thức nhưng vẫn không thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện.

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyền số 01/2009 ngày 17/02/2009 của Ủy ban nhân dân Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện, ông T1 và bà T2 là vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà T2 thừa nhận toàn bộ khoản nợ và tự nguyện chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán cho Ngân hàng, tuy nhiên Ngân hàng không đồng ý và vẫn giữ nguyên yêu cầu ông T1 và bà T2 cùng chịu trách nhiệm. Đối với đồng bị đơn là ông Vũ Đình T1, Tòa án đã thông báo về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông T1 vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến. Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã được bà T2 thừa nhận toàn bộ xác định tính đến ngày 14/01/2021 ông T1 và bà T2 còn thiếu nguyên đơn số tiền nợ gốc 513.816.998 đồng và nợ lãi 351.861.783 đồng, bị đơn có trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi còn thiếu tổng cộng là 865.678.781 đồng cho nguyên đơn ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả số tiền lãi từ ngày 15/01/2021 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền còn nợ theo quy định tại các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả và trả không đầy đủ khoản nợ trên, thấy:

Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1708010136809/LVV/HĐTCSP ngày 07/8/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/8/2017 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 đã phát sinh hiệu lực pháp luật từ thời điểm nội dung đăng ký được cập nhật vào cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm nên căn cứ theo khoản 1, 2 Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.3] Về phương thức và thời hạn thanh toán: Bà T2 đề nghị thanh toán mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Xét, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó việc buộc bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là 37.970.363 đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.727.470 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Th.

Buộc ông Vũ Đình T1 và bà Vũ Thị T2 cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Th số tiền nợ tính đến ngày 14/01/2021 là 865.678.781 (tám trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn bảy trăm tám mươi một) đồng gồm: nợ gốc 531.816.998 (năm trăm ba mươi một triệu tám trăm mười sáu ngàn chín trăm chín mươi tám) đồng, nợ lãi 351.861.783 (ba trăm năm mươi một triệu tám trăm sáu mươi một ngàn bảy trăm tám mươi ba) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngay sau khi bị đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nêu trên thì nguyên đơn xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền và hoàn trả lại cho ông Vũ Đình T1 và bà Vũ Thị T2 bản chính Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 292774 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2017 cho ông Vũ Đình T1 đối với xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại Cruze, biển số 51G-463.57, số máy 6D3171430492.

Đến hạn trả nợ, bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ tín dụng nêu trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm đối với xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại Cruze, biển số 51G-463.57, số máy 6D3171430492 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 292774 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2017 cho ông Vũ Đình T1.

Bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 15/01/2021 theo quy định tại Hợp đồng cho vay số LN1708010136809/LVV/HĐTD ngày 07/8/2017 và Khế ước nhận nợ lần 1 số LN1708010136809/LVV/HĐTD ngày 07/8/2017 trên số dư nợ gốc cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Đình T1 và bà Vũ Thị T2 phải chịu án phí là 37.970.363 (ba mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi ngàn ba trăm sáu mươi ba) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Th tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.727.470 (mười ba triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn bốn trăm bảy mươi) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0037732 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn - bà Vũ Thị T2 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn - ông Vũ Đình T1, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hoàng Mai